

Giếng làng - Mất của đất

Chẳng phải ngẫu nhiên mà hình ảnh cái giếng làng cứ đi về trong nỗi nhớ của những người xa quê. Cái giếng đã có mặt trong đời sống của người Việt từ lâu lắm rồi, ít nhất thì trong chuyện cổ tích, nó đã hiện hữu để cô Tấm nuôi con cá bống còn sót lại như nuôi giữ cái khát vọng hưởng thiện của con người. Giếng đã đi từ huyền thoại, khi Trọng Thủy gieo mình tự vẫn để giải oan tình yêu cho Mỵ Châu, qua những câu thơ phồn thực mang đầy ám ảnh của Xuân Hương nữ sĩ, đến tận ngày nay.

Trong tâm thức của mình, người Việt có thể sống thiếu hạt gạo những khi giáp hạt, thiếu áo mặc những ngày đông, nhưng không thể thiếu cái giếng nước. Giếng không chỉ là mắt đất, nó là trái tim của làng, là cái hồn của xóm. Giếng nước là nơi tụ hội nguồn sống, là nơi tích phúc để dân làng ăn nên làm ra, và do đó nó là nơi của niềm hoan lạc kỳ thú. Trong sinh hoạt đời thường, người ta lấy nước giếng về dùng trong sinh hoạt như nước mưa, nó ngọt lịm khoan khoái và mát lành, làm dịu cơn khát và góp phần tạo nên những bữa ăn hàng ngày. Giếng nước còn là chiếc gương lớn để các cô gái ra gánh nước thì tranh thủ soi mình làm duyên. Và vì thế bên giếng làng thường diễn ra những cuộc hò hẹn ân tình lứa đôi.

Đồng bằng Bắc Bộ xưa, làng nào cũng có vài ba cái giếng, nhưng không phải nước ở giếng nào cũng giống nhau. Cái giếng cũng có danh phận của nó. Làng giàu có thì cái giếng xây gạch xoái, có cả rồng châu như giếng làng Mông Phụ ở Sơn Tây, một trong những làng Việt cổ nhất còn lại, để có đến hơn 300 năm tuổi. Làng nghèo thì chỉ là giếng đắp đất xung quanh. Trong cái tổng thể văn hoá làng quê bình dị mà lung linh huyền ảo, cây đa có thần, mái chùa có phật thì giếng nước là sự tượng trưng cho sự dồi dào sung mãn và cho nguồn gốc của sự sống. Bàn thờ gia tiên ở nhà dân hay bàn thờ thần thánh ở đền, đình đều không thể thiếu được bát nước mưa hay nước giếng. Trước ngày hội làng, bài vị và ngai thờ Thành hoàng đều được mục dục (lau chùi) bằng nước giếng hay nước sông. Và nếu hội có thi nấu cơm hay thi làm cỗ thì đều lấy nước từ giếng làng.

Giếng có nhiều loại, nhưng phổ biến nhất là giếng đất và giếng gạch. Người ta thường thả bèo tở ong trên mặt giếng. Đám bèo này không chỉ chắn bụi ở trên xuống mà còn giữ lại cái váng đục của nước giếng mỗi khi trở trời. Để giữ vệ sinh cho giếng, người ta không thả cá, nhưng vẫn có một số loài cá sống tự nhiên trong lòng giếng, chủ yếu là loài ăn ngậm như rô ta, cá chuối. Đây là những nhân viên môi trường đắc lực của giếng làng. Người ta cũng thường giữ lại những cây dương xỉ hoặc rêu bám tự nhiên trên thành giếng để tránh lở. Mỗi năm, giếng được tắm rửa một lần, ấy là khi người ta thau giếng, vớt bùn ở đáy lên và rải thay vào đó một lớp cát dày chừng một gang.

Người ta đào giếng ăn mạch dọc chứ không theo mạch ngang của đất, vì mạch dọc thì mới chạm được vào "túi" nước, còn theo mạch ngang thì nước đục và không nhiều. Để thăm mạch ngầm khi đào giếng, người ta chọn buổi tối một ngày khô trời, dùng những cái bát ăn cơm úp lên mặt đất. Sáng ra, bát nào có nhiều hơi nước nhất là nơi mạch nước mạnh nhất, có thể đào giếng. Giếng ở đồng bằng, độ sâu chỉ chừng 6 - 8 m. Giếng ở vùng trung du chiều sâu ít nhất phải là ba tay gầu, mỗi tay dài chừng 8 m.

Dù giàu hay nghèo, dù sang hay hèn, xây bằng gạch, đất hay đá ong, giếng vẫn là nơi gắn bó với đời sống nhiều nhất. Đình thì khi nào có lễ có hội mới ra, chứ giếng làng thì hôm nào chẳng đến. Cuộc sống quần cư biến cái giếng trở thành tâm điểm của làng. Người ta ra giếng lấy nước, tranh thủ hỏi nhau về công việc, về lứa lợn, về chuyện nhà ông họ làm đám bao nhiêu mâm, con gái bà kia lấy chồng tốt số... Trai gái làng ra giếng tranh thủ chòe ghẹo nhau hay hẹn hò. Cái giếng làng đã chứng kiến không biết bao nhiêu cuộc tình, của biết bao nhiêu thế hệ. Không hiểu nếu biết nói, nó sẽ nói gì về nhân duyên. Chỉ biết nhân duyên cứ mượn nó mà ngộ lòng mình. Lúc thì í ẹ "Nắng mưa thì giếng nắng đầy, anh hay đi lại mẹ thầy nắng thương", lúc thì dỗi hờn "Em tưởng giếng sâu em nổi sợi dây dài, hay đâu giếng cạn tiếc hoài sợi dây", lúc lại phân bua "Tới đây dây vẫn gầu thừa, hỏi người cổ cựa giếng xưa ai đào. Giếng này là giếng cựa trào, hỏi tôi còn nhỏ tôi nào biết đâu."

Cái giếng giữ phần âm của làng. Bản thân cấu trúc hình tròn của nó cũng là một hình thuộc về âm. Chiều sâu của giếng đi vào lòng đất là chiều âm. Cái vị tanh hơi ngọt và cái độ lạnh của nước giếng hiếm khi được tiếp xúc ánh nắng mặt trời cũng là âm. Và nữa, giếng đôi khi còn là cái gì đó linh thiêng và thần bí. Trên đền Hùng giờ vẫn còn giếng Ngọc, thiêng lắm, các bà các cô bảo nhau. Cổ Loa vẫn còn giếng Mỵ Châu, đồn rằng ngọc trai vớt ở sông về đem đến đây rửa thì sẽ sáng.

Từ khi có nước máy và giếng khoan, giếng làng đã bị lấp đi nhiều. Giếng khơi cũng ít nhà giữ lại. Giếng làng nay còn ít và cũng ít giá trị thực dụng, nhưng những giá trị văn hoá của nó còn in đậm trong tâm thức mọi người khi nhớ về làng quê.